TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2026/HNGĐ - ST
Ngày : 28/4/2026
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đăng Vương**

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Chu Văn Chí**

- Ông **Nguyễn Đình Phi**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Vy Trần Bảo Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa*** có ông **Lê Minh Huy** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2026/TLST-HNGĐ ngày 22/01/2026 về việc kiện "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ông **Cao Đăng N**, sinh năm 1995. Nơi cư trú: đường N, phường L - Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị đơn:** Bà **Lê Thị Mỹ T**, sinh năm 1998. Nơi cư trú: thôn N, xã N, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông N có mặt, bà T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Cao Đăng N thì:**

Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông và bà Lê Thị Mỹ T có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 07 năm, sau đó tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2018 tại UBND phường A, Tp ., Lâm Đồng. Hai bên đã làm lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới bà T về ở chung với gia đình ông tại Đ và buôn bán tạp hóa ở nhà. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng bình thường, sau một thời gian thì đến khoảng cuối năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông bà không có con chung, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn trầm trọng thì bà T đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại thôn N, xã N, Lâm Đồng sinh sống từ cuối năm 2023 đến nay. Hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống của riêng mình. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn với bà T nữa nên xin được ly hôn với bà T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình tố tụng bị đơn bà Lê Thị Mỹ T** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt và có ý kiến trình bày đồng ý ly hôn với ông N. Về con chung không có; về tài sản và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông N có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; cũng như sự chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự tham gia tố tụng và có quan điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa ông Cao Đăng N và bà Lê Thị Mỹ T có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2018 tại UBND phường A, Tp ., Lâm Đồng; hôn nhân giữa ông N và bà T là hoàn toàn tự nguyện, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn và nay ông N yêu cầu được ly hôn với bà T. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" giữa nguyên đơn là ông Cao Đăng N và bị đơn là bà Lê Thị Mỹ T. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là bà Lê Thị Mỹ T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân mâu giữa hai vợ chồng là do không cùng quan điểm sống, sống không hiểu và thông cảm chia sẻ lẫn nhau. Khi phát sinh mâu thuẫn không được hàn gắn kịp thời và các bên đã sống ly thân một thời gian dài từ năm 2023 đến nay. Quá trình sống ly thân các bên cũng không quan tâm lẫn nhau, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Quá trình Tòa án triệu tập để làm việc, hòa giải bị đơn xin vắng mặt, thể hiện không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Như vậy mâu thuẫn giữa ông N và bà T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc N yêu cầu xin ly hôn với bà T là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Cao Đăng N, cho ông Cao Đăng N và bà Lê Thị Mỹ T được ly hôn với nhau *(Giấy chứng nhận kết hôn số 26 do UBND phường A, Tp ., tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24/5/2018 – nay là phường L - Đ)*

2/ Về án phí: ông Cao Đăng N phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0001463 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông N đã đóng đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ông N có quyền kháng cáo bản án; riêng bà T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 2 – Lâm Đồng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- UBND phường Lâm Viên – Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TAND KHU VỰC 2
ZGE280426.TL.QDBA
1269

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đăng Vương